

Name:

Grammar:

Class: S3...

Reading:

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Mini Test:

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



GLOBAL ENGLISH 3

Unit 8: Our amazing body - Grammar 1 & Flyers Reading

A. GRAMMAR

***Will for future intentions** (will để nói về mục đích trong tương lai)

Cách dùng	Sử dụng thì <i>Tương lai đơn</i> với “ will ” để nói về việc sẽ làm trong tương lai.
Cấu trúc	S + will + V-infinitive
Dấu hiệu nhận biết	tomorrow; next day / week / month / year; on + (ngày ở tương lai),...
Ví dụ	Tomorrow, Sarah will go to the cinema with her friends.

***Shall I...?**

Cách dùng	Câu hỏi sử dụng “ Shall I... ” được dùng để đưa ra đề nghị một cách lịch sự.
Cấu trúc	Shall I + V-infinitive....?
Ví dụ	Shall I bring you some coffee?

Note: S = subject: chủ ngữ; V-infinitive: Động từ nguyên thể

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	skyscraper (n)	toà nhà chọc trời	4	lift (n)	thang máy
2	sailing ship (n.phr)	tàu buồm	5	metal (n)	kim loại
4	mechanic (n)	thợ máy, công nhân cơ khí			

* **Note:** n = noun: danh từ; n.phr = noun phrase: cụm danh từ.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

C. CLASSWORK - CAMBRIDGE READING PRACTICE

PART 4 SKYSCRAPERS

Many large cities (0) in the world have skyscrapers. In the past, a 'skyscraper' was a kind of high sail on a sailing ship. But today the word 'skyscraper' means a very (1) _____ building. Some people think that a building can only be (2) _____ a skyscraper when it has more than 50 floors, but others do (3) _____ agree.

I. Detailed questions: Choose a suitable word for each blank.

- | | | | |
|----|-----------|--------|-------|
| 0. | <u>in</u> | of | from |
| 1. | tallest | taller | tall |
| 2. | calling | called | call |
| 3. | not | no | never |

II. General questions: Choose the correct answers.

G1. What did the word 'skyscraper' mean in the past?

- A. A very tall building
- B. A type of ship
- C. A high sail on a sailing ship
- D. A kind of airplane

G2. _____ people think that a skyscraper must have at least 50 floors.

- A. All
- B. A little
- C. Some
- D. A few

D. HOMEWORK

CAMBRIDGE READING PRACTICE: Choose a suitable word for each blank.

A long time (4) _____, buildings were usually only five or six floors high. Then, in 1852, Elisha Otis, a mechanic, invented a lift (5) _____ was safe and could carry passengers up and down many floors.

At the same time, engineers were making stronger and lighter kinds of (6) _____. With these lifts and metals, engineers could (7) _____ very high skyscrapers for people to live and work in.

Many people think that skyscrapers are ugly because they look (8) _____ big boxes.

But the (9) _____ famous ones have interesting shapes and colours. Also, (10) _____ the top floors of skyscrapers, you can see amazing views!

- | | | | |
|-----|-----------|----------|---------|
| 4. | since | ago | already |
| 5. | what | where | which |
| 6. | medicine | metal | mine |
| 7. | designing | designed | design |
| 8. | so | as | like |
| 9. | another | most | much |
| 10. | since | from | with |

*** GRAMMAR ***

I. Circle the correct answer (Khoanh tròn vào đáp án đúng)

0. Kate _____ more exercise because she wants to lose weight.
 (A) will do B. shall do C. do
1. You look tired! _____ get you some water?
 A. Shall I B. Will I C. Did I
2. Your bike has broken! Shall I _____ you home?
 A. rides B. ride C. rode
3. The doctor will _____ his lung. He has COVID-19.
 A. checking B. checks C. check
4. On Saturday, our class _____ a picnic.
 A. will had B. has had C. will have
5. _____ open the window? I want you to see the beautiful trees outside.
 A. Shall you B. Shall I C. Shall he

II. Make questions with "Shall I...?", using the clues given.

(Viết câu hỏi sử dụng "Shall I", sử dụng những gợi ý cho sẵn)

bring you a guitar	show him some exercises	make you some food
bring you a glass of warm water	call the doctor	calm her down

0. I want to play some music, but I don't have anything.

⇒ Shall I bring you a guitar?

1. I have cut my thumb, and it is bleeding.

⇒ _____?

2. I am so hungry.

⇒ _____?

3. I'm having a sore throat.

⇒ _____?

4. My sister looks so angry.

⇒ _____?

5. David wants to lose weight.

⇒ _____?

III. Circle the mistake in each sentence and correct it (Tìm lỗi sai và sửa lại)

0. Shall I checked your elbow?

A

(B)

C

→ check1. I will clean my room, so you will finding it comfortable.

A

B

C

→ _____

2. I do some extra exercises tomorrow to feel stronger.

A

B

C

→ _____

3. It's raining outside. Will I give you an umbrella?

A

B

C

→ _____